**TUẦN : 21 TOÁN : ( CC )**

**LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng :

+ Nhận biết được các số có 4 chữ số

+ So sánh được các số có 4 chữ số

***2. Năng lực chung: L***ắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

***3. Phẩm chất:*** Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

**1. HĐ Khởi động**

- GV tổ chức cho Hs hát

- GV dẫn dắt vào bài mới

- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:

+ Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Nhận biết được các số có 4 chữ số

+ Viết được số có 4 chữ số

**2. HĐLuyện tập, thực hành.**

**\*** GV giao BT cho HS làm bài.

- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 17 Vở Bài tập Toán.

- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 17, 18 Vở Bài tập Toán.

- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.

- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.

- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

**Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm ( VBT /16 )**

-Cho HS đọc đề bài

a) 3 267 = 3 000 + … + 60 + 7

b) 9 043 = 9 000 + …. + 3

c) 2 005 = 2 000 + …

d) 8 300 = 8 000 + …

HS nối tiếp trả lời

a) 3 267 = 3 000 + 200 + 60 + 7

b) 9 043 = 9 000 + 40 + 3

c) 2 005 = 2 000 + 5

d) 8 300 = 8 000 + 300

**Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm (VBT/17)**

- Cho HS đọc đề bài

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 6 | 5 |  | 9 | < | 6 | 5 | 2 | 0 |

a) Để được phép so sánh đúng, những số Nam có thể viết vào ô trống là: …

b) Nam có tất cả … cách chọn chữ số phù hợp để viết vào ô trống

- Cho học sinh nhận xét

- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.

a) Để được phép so sánh đúng, những số Nam có thể viết vào ô trống là: 1

b) Nam có tất cả 2 cách chọn chữ số phù hợp để viết vào ô trống

**Bài 3: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng (VBT/17)**

- GV cho học sinh làm bài

- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức

*🡺 Gv chốt cách nhận biết làm tròn số đến hàng trăm*

*D. 3 083m*

**\* Bài 4: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp ( VBT/17 )**

Nam di chuyển một que tính ở hình dưới đây để nhận được phép tính đúng

- GV gọi 1 hs nêu

- GV nhận xét, chốt kết quả:

IV + V = XI IV + V = IX

*🡺 Gv chốt cách cộng các số La Mã*

**3. HĐ Vận dụng**

- Hãy cho biết

- Số lớn nhất có 4 chữ số là ….

- Số bé nhất có 4 chữ số là: ….

- Số chẵn lớn nhất có 4 chữ số là: ….

- Số lớn nhất có 4 chữ số là 9999

- Số bé nhất có 4 chữ số là: 1000

- Số chẵn lớn nhất có 4 chữ số là: 9998.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 9: CHU VI, DIỆN TÍCH MỘT SỐ HÌNH PHẲNG**

**Bài 50: CHU VI HÌNH TAM GIÁC, HÌNH TỨ GIÁC, HÌNH CHỮ NHẬT, HÌNH VUÔNG (tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Biết tính chu vi hình tam giác, hình tứ giác

­­+ Biết đọc, viết số đo diện tích theo đơn vị đo.

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  [+ HS tính được chu vi hìn](https://blogtailieu.com/)h tam giác, hình tứ giác.  [+ Giải quyết được một](https://blogtailieu.com/) số vấn đề thực tiễn liên quan đến đ[o lường.](https://blogtailieu.com/) | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 18, 19 Vở Bài tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 18, 19 Vở Bài tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Tính chu vi hình tam giác có độ dài cạnh là: (VBT/18)**  - Cho HS đọc câu a, b, c  *+ Nêu cách tính chu vi hình tam giác?*  - GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  *🡺 Gv chốt cách tính chu vi hình tam giác* | - Học sinh trả lời: Tính chu vi hình tam giác ta tính tổng độ dài các cạnh.  - HS nối tiếp trả lời  + a. 21 cm  + b. 65 dm  + c. 27 dm  - Học sinh nhận xét |
| **\* Bài 2: Tính chu vi hình tứ giác có độ dài các cạnh là 20 dm, 30 dm, 20 dm và 30 dm. (VBT/18)**  - GV hỏi:  *+ Bài toán cho biết gì? Hỏi gì?*  *+ Muốn tính chu vi hình tứ giác ta làm thế nào?*  - GV gợi ý để HS tìm cách tính đúng  - Cho học sinh nhận xét  - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.  *🡺 Gv Củng cố cách tính chu vi hình tứ giác.* | - HS lắng nghe câu hỏi.  - HS trả lời.  - Học sinh làm bài, trình bày bài trước lớp.  Bài giải:  Chu vi hình tứ giác là:  20 + 30 + 20 + 30 = 100 (dm)  Đáp số: 100 dm  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát |
| **\* Bài 3: Khoanh vào trước câu trả lời đúng (VBT/19)**  - GV cho HS đọc bài toán, TLCH:  *+ Quan sát tranh em thấy gì?*  *+ Muốn khoanh được đáp án em làm thế nào?*  - GV y/c HS tự trình bày bài làm vào vở, nêu đáp án  - GV nhận xét, tuyên dương.  *🡺 Gv Củng cố cách vận dụng cách tính chu vi hình tam giác, chu vi hình tứ giác vào thực tế* | HS đọc bài toán  + 2 hình tam giác và tứ giác  + Phải tính được chu vi các hình.  a. Đáp án C. 42 cm  b. Đáp án B. 85 cm  - HS làm bài vào vở |
| **\*. Bài 4 Tô màu đỏ vào hình có chu vi lớn nhất, màu xanh vào hình có chu vi bé nhất. (VBT/19)**  - GV cho HS đọc bài toán, TLCH:  *+ Trong tranh có mấy hình? Là những hình nào?*  *+ Muốn tô màu em làm thế nào?*  - GV y/c HS tự trình bày bài làm vào vở, nêu đáp án.  *🡺 Gv đưa ra ý kiến nhận xét.* | HS đọc bài toán  + Trong tranh có 3 hình, gồm 1 hình tam giác và 2 hình tứ giác.  + Phải tính được chu vi các hình.  - Học sinh tính và thực hiện tô màu. |
| **3. HĐ Vận dụng :**  - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức tìm hình trong tranh, để củng cố về cách tính chu vi hình tam giác và hình tứ giác.  - Nhận xét, tuyên dương  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + HS tham gia TC - HS nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .........................................................  ..................................................................... | |

**TOÁN : ( CC ) CHU VI HÌNH TAM GIÁC, HÌNH TỨ GIÁC, HÌNH CHỮ NHẬT, HÌNH VUÔNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Biết tính chu vi hình tam giác, hình tứ giác

­­+ Biết đọc, viết số đo diện tích theo đơn vị đo.

***2. Năng lực chung: L***ắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

***3. Phẩm chất:*** Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

**1. HĐ Khởi động**

- GV tổ chức cho Hs hát

- GV dẫn dắt vào bài mới

- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:

[+ HS tính được chu vi hìn](https://blogtailieu.com/)h tam giác, hình tứ giác.

[+ Giải quyết được một](https://blogtailieu.com/) số vấn đề thực tiễn liên quan đến đ[o lường.](https://blogtailieu.com/)

**2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.**

**\*** GV giao BT cho HS làm bài.

- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 19,20 Vở Bài tập Toán.

- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.

- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài.

- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

**Bài 1: Tính chu vi hình vuông có độ dài cạnh là: (VBT/19)**

*+ Nêu cách tính chu vi hình vuông?*

- HS nối tiếp trả lời

+ 20 cm

+ 32 cm

+ 40 cm

- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.

*🡺 Gv chốt cách tính chu vi hình tam giác*

**Bài 2: Tính chu vi hình chữ nhật (VBT/20)**

- GV hỏi:

*+ Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta làm thế nào?*

- GV gợi ý để HS tìm cách tính đúng

- Học sinh làm bài, trình bày bài trước lớp.

a. Bài giải:

Chu vi hình chữ nhật là:

( 7 + 3 ) x 2 = 42(cm)

Đáp số: 42 cm

b. Bài giải:

Chu vi hình chữ nhật là:

( 6 + 3 ) x 2 = 36 (m)

Đáp số: 36 m

**Bài 3: (VBT/20)**

- GV cho HS đọc bài toán, TLCH:

- GV y/c HS thảo luận nhóm và tìm CTL

- GV nhận xét, tuyên dương.

*🡺 Gv Củng cố cách vận dụng cách tính chu vi hình tam giác, chu vi hình tứ giác vào thực tế*

**3. HĐ Vận dụng**

- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức tìm hình trong tranh, để củng cố về cách tính chu vi hình tam giác và hình tứ giác.

- Nhận xét, tuyên dương

- GV nhận xét giờ học.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 9: CHU VI, DIỆN TÍCH MỘT SỐ HÌNH PHẲNG**

**Bài 50: CHU VI HÌNH TAM GIÁC, HÌNH TỨ GIÁC, HÌNH CHỮ NHẬT, HÌNH VUÔNG (tiết 3) – Trang 25**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Biết 1cm2 là diện tích hình vuông có cạnh dài là 1cm

­­+ Biết đọc, viết số đo diện tích theo cm2

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  [+ HS tính được chu vi hìn](https://blogtailieu.com/)h tam giác, hình tứ giác, hình chữ nhật, hình vuông  [+ Giải quyết được một](https://blogtailieu.com/) số vấn đề thực tiễn liên quan đến đ[o lường.](https://blogtailieu.com/) | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 21, 22 Vở Bài tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 21, 22 Vở Bài tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Nối hình với số đo là chu vi của hình đó (VBT /21 )**  - Cho HS quan sát  + Hình 1: Là hình gì? Nêu cách tính chu vi?  - GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  *🡺 Gv chốt cách tính chu vi các hình khối.* | - Học sinh trả lời: Hình 1 là hình chữ nhật. Chu vi bằng (chiều dài + chiều rộng) x2. Chu vi bằng 18cm  - HS nối tiếp trả lời  + Hình 2: Hình vuông, 32cm  + Hình 3: Hình tứ giác, 19cm  - Học sinh nhận xét |
| **\* Bài 2: Viết câu trả lời thích hợp vào chỗ chấm (VBT / 22)**  - GV hỏi:  *+ Bài toán cho biết gì? Hỏi gì?*  *+ Bạn Nam trong bài toán đã thực hiện đúng chưa? Vì sao?*  GV nhắc HS cần chú ý đơn vị đo của chiều dài, chiều rộng trước khi tính chu vi  - GV gợi ý để HS tìm cách tính đúng  - Cho học sinh nhận xét  - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.  *🡺 Gv củng cố cách tính chu vi hình chữ nhật, chú ý đơn vị đo trước khi tính* | - HS lắng nghe câu hỏi  - HS trả lời  Việt tính theo công thức tính chu vi hình chữ nhật, nhưng Việt chưa chú ý đến đơn vị đo (chưa cùng đơn vị đo)  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát |
| **\* Bài 3: (VBT/22)**  - GV cho HS đọc bài toán, TLCH:  + Vườn hoa có chiều dài, chiều rộng bao nhiêu?  + Cổng vào bao nhiêu?  + Chiều dài hàng rào có mối quan hệ như thế nào với chu vi của vườn hoa (nếu không có cổng vào)?  + Nếu không có cổng vào ta tính chiều dài hàng rào dựa vào đâu?  + Tính chiều dài của hàng rào cần tính ta làm thế nào?  - GV y/c HS tự trình bày bài làm vào vở  - GV nhận xét, tuyên dương.  *🡺 Gv Củng cố cách vận dụng cách tính chu vi hình chữ nhật vào thực tế* | HS đọc bài toán  + Chiều dài 8m, chiều rộng 4m  + Cổng vào 1m  + Chiều dài hàng rào bằng chu vi của vườn hoa  + Nếu không có cổng vào thì chiều dài của hàng rào bằng chu vi của vườn hoa  + Lấy chu vi vườn hoa trừ cổng vào  - HS làm bài vào vở  Bài giải:  Chu vi vườn hoa là:  (8+4) x 2 = 24 (m)  Chiều dài hàng rào là:  24 – 1 = 23 (m)  Đáp số: 23m |
| **3. HĐ Vận dụng :**  - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức hái hoa,...sau bài học để học sinh được củng cố về cách tính chu vi hình chữ nhật, hình vuông  - Nhận xét, tuyên dương  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + HS tham gia TC - HS nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 9: CHU VI, DIỆN TÍCH MỘT SỐ HÌNH PHẲNG**

**Bài 51: DIỆN TÍCH CỦA MỘT HÌNH. XĂNG - TI - MÉT (tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Biểu tượng về diện tích một hình

+ Nhận biết được diện tích của một hình thông qua các tính chất bao gồm: mối liên hệ so sánh giữa diện tích hai hình mà hình lớn chứa hình bé, mối liện hệ về diện tích hình lớn bằng tổng diện tích hai hình bé

- Tính được diện tích hình vẽ trên lưới kẻ ô vuông với đơn vị quy ước là ô vuông

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy về không gian và năng lực giao tiếp toán học

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  [+ HS tính được diện tích hìn](https://blogtailieu.com/)h tam giác, hình tứ giác, hình chữ nhật, hình vuông  [+ Giải quyết được một](https://blogtailieu.com/) số vấn đề thực tiễn liên quan đến đ[o lường.](https://blogtailieu.com/) | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 23 Vở Bài tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3,4/ 23, 24 Vở Bài tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Cho hai hình tứ giác ABCD và ABEG ( như hình vẽ). Tô màu vào hình tứ giác có diện tích bé hơn (VBT/ 23 )**  - GV YC HS đọc đề bài  - YC HS quan sát hình rồi so sánh  - Gọi HS trả lời và giải thích vì sao  - GV nhận xét, tuyên dương  - Gv kết luận: Diện tích hình tứ giác ABEG bé hơn diện tích hình tứ giác ABEG nên tô màu vào hình tứ giác ABEG  *-> GV Bài tập củng cố cách so sánh diện tích giữa hai hình mà hình lớn chứa hình bé* | - So sánh diện tích hình Tứ giác ABCD với diện tích hình tứ giác ABEG  - HS làm việc cá nhân  - HS trả lời: Diện tích hình tứ giác ABEG nhỏ hơn diện tích hình tứ giác ABCD vì hình tứ giác ABEG nằm bên trong hình tứ giác ADCD. Nên tô màu vào hình tứ giác ABEG  - HS lắng nghe  - HS thực hiện YC |
| **\* Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm. (VBT/23)**  - GV YC HS đọc đề bài  - GV yêu cầu học sinh đếm số ô vuông và làm bài tập 1a.  - HS chữa bài  - YC HS so sánh diện tích của hai con vật. Sau đó trao đổi trong nhóm đôi  - Gọi đại diện các nhóm trả lời  ? Để so sánh diện tích của hai hình em đã làm như thế nào?   * *Gv chốt lại đáp án đúng: Hình A có diện tích lớn hơn hình B* | - Viết số thích hợp vào chỗ chấm.  - Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu đúng.  - HS đếm  + Đáp án: Hình a: 31 ô vuông  Hình b. 22 ô vuông  - HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi trong nhóm đôi  - Đại diện 2-3 nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  + Đáp án: hình A diện tích lớn hơn hình B  - HS trả lời: để so sánh diện tích hai hình em đếm số ô vuông của từng con rồi so sánh |
| **\* Bài 3: (VBT/23)**  - GV cho HS đọc yêu cầu đề bài  **-** YC HS quan sát và TLCH:  ? Hai hình có gì đặc biệt?  ? Em có nhận xét gì về diện tích hai hình A và B?  - GV nhận xét và rút ra kết luận về diện tích của hai hình  - Mở rộng: GV YC HS thực hiện cắt hình vuông A thành 4 phần theo 2 đường chéo, sau đó ghép 4 phần này lại để được một hình chữ nhật (có chiều dài gấp đôi chiều rộng)  - GV y/c HS tự trình bày bài làm vào vở  - GV nhận xét, tuyên dương. | - Điền Đ,S  - So sánh diện tích hình A với hình B  - HS quan sát và TLCH:  - Hình A cắt đôi theo đường chéo rồi ghép lại được hình B  - Diện tích của hai hình bằng nhau  - HS lắng nghe |
| **\* Bài 4: VBT/24.**  - GV YC HS đọc đề bài  - GV yêu cầu học sinh đếm số ô vuông và làm bài tập 4.  - HS chữa bài | - Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu đúng.  - HS đếm  + Đáp án: Hình con vịt có 11 ô vuông. |
| **3. HĐ Vận dụng**  - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức hái hoa,...sau bài học để học sinh được củng cố về cách tính diện tích hình tứ giác, tam giác.  - Nhận xét, tuyên dương  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + HS tham gia TC - HS nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |